

Số: 56/BC-ĐL

Trảng Định, ngày 24 tháng 05 năm 2024

BÁO CÁO

Về sản lượng điện tiết kiệm khỏi các cơ quan Quản lý nhà nước
và chiếu sáng công cộng tuần 21 năm 2024

Kính gửi: - UBND Huyện Trảng Định.

Căn cứ văn bản số 531/UBND-KT ngày 23/04/2024 của UBND Tỉnh Lạng Sơn V/v đẩy mạnh tiết kiệm và đảm bảo cung cấp điện trong mùa nắng nóng năm 2024 trên địa bàn.

Điện lực Trảng Định báo cáo UBND Huyện Trảng Định sản lượng điện tiêu thụ của các cơ quan quản lý nhà nước và chiếu sáng công cộng trên địa bàn huyện tuần 21 năm 2024 (từ 16/5 - 23/5/2024), cụ thể như sau:

1. Tổng số khách hàng thuộc đối tượng theo dõi: 191 điểm đo;

- Trong đó có 191 khách hàng đã được lắp công tơ điện tử có đo xa nên thống kê báo cáo theo tuần; 52 khách hàng chưa có đo xa thống kê báo cáo theo tháng.

2. Kết quả thực hiện tiết kiệm điện của tuần 21 của 191 khách hàng có công tơ thu thập chỉ số qua đo xa.

- Khối các cơ quan Hành chính sự nghiệp: Tổng số có 34 cơ quan HCSN có điện năng tiêu thụ trong tuần cao hơn tuần trước trên 10%.

- Khối Bệnh viện, trường học: Tổng số có 12 cơ quan BV-TH có điện năng tiêu thụ trong tuần cao hơn tuần trước trên 10%.

- Khối Chiếu sáng công cộng: Không có cơ quan CSCC có điện năng tiêu thụ trong tuần cao hơn tuần trước trên 10%.

(chi tiết theo phụ lục kèm theo)

Trên đây là kết quả theo dõi sản lượng điện tuần 21 năm 2024 của các khách hàng cơ quan HCSN và CSCC trên địa bàn huyện Trảng Định, Điện lực Trảng Định xin được báo cáo UBND huyện được biết và chỉ đạo.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Trang TT điện tử huyện;
- PCLS (để b/cáo);
- Lưu: VT, KĐTH.



STT	MA_KHANG	TEN_KHANG	DIA_CHI	Mục đích SDD	Sản lượng T20 2024	Sản lượng T19 2024	Sản lượng T18 2024	Tăng/giảm (kWh)	Tỷ lệ	TKĐ
1	PA11TDTD53143	Ban chỉ huy Quân sự huyện Tràng Định	khu I thị trấn thấ	HCSN	810	812	805	-2	(0.25)	1
2	PA11TDTD53137	Ban chỉ huy quân sự huyện Tràng Định	Pò Bó - Đại Đồng	HCSN	172	168	163	4	2.38	FALSE
3	PA11TD0016535	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Tràng Định	Khu 5 - Thất Khê	HCSN	184	161	156	23	14.29	FALSE
4	PA11TD0013220	Bảo hiểm xã hội huyện Tràng Định	Khu 2 - Thất Khê	HCSN	276	242	303	34	14.05	FALSE
5	PA11TD0018915	Chi cục Thuế huyện Tràng Định	Khu 2, thị trấn Th	HCSN	221	224	235	-3	(1.34)	1
6	PA11TD0017746	Chi cục thuế huyện Tràng Định	Khu 2 - Khu 2 - Th	HCSN	11	10	5	1	10.00	FALSE
7	PA11TD0006901	Chi nhánh công trình Viettel Lạng Sơn - Tổng công t	Số 422, đường H	HCSN	8	11	20	-3	(27.27)	1
8	PA11TDTD53053	Chi nhánh Hạt Văn Lãng - Tràng Định	Khu 5 - Thất Khê	HCSN	10	217	225	-207	(95.39)	1
9	PA11TD0014851	Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai Tràng Định	Khu I - Thất Khê	HCSN	101	87	72	14	16.09	FALSE
10	PA11TDTD53132	Công An huyện Tràng Định	Khu I thị trấn thấ	HCSN	1425	1271	1459	154	12.12	FALSE
11	PA11TD0005852	Công an huyện Tràng Định (CA xã Hùng Sơn)	Bản Chu - Hùng S	HCSN	82	86	109	-4	(4.65)	1
12	PA11TD0019557	Công an huyện Tràng Định (CA xã Chi Lăng)	Đâu Linh - Chi Lă	HCSN	71.61	62.68	77.75	8.93	14.25	FALSE
13	PA11TD0020194	Công an huyện Tràng Định (CA xã Chí Minh)	Cốc Toòng - Chí	HCSN	15	17	64	-2	(11.76)	1
14	PA11TD0019818	Công an huyện Tràng Định (CA xã Đề Thám)	Đoảng Nà - Đề T	HCSN	288	294	294	-6	(2.04)	1
15	PA11TD0015161	Công an huyện Tràng Định (CA xã Đoàn Kết)	Thống Nhất - Đo	HCSN	61	63	67	-2	(3.17)	1
16	PA11TD0019742	Công an huyện Tràng Định (CA xã Đội cấn)	Bản Chang - Đội	HCSN	80	63	77	17	26.98	FALSE
17	PA11TD0020193	Công an huyện Tràng Định (CA xã Hùng Việt)	Bản Nhân - Hùng	HCSN	115	84	113	31	36.90	FALSE
18	PA11TD0020380	Công an huyện Tràng Định (CA xã Kháng Chiến)	Bản Nằm - Khán	HCSN	83	71	87	12	16.90	FALSE
19	PA11TD0019224	Công an huyện Tràng Định (CA xã Quốc Khánh)	Long Thịnh - Qu	HCSN	177.83	156.69	126.12	21.14	13.49	FALSE
20	PA11TD0015582	Công an huyện Tràng Định (CA xã Quốc Việt)	Khu I - Thất Khê	HCSN	153	186	199	-33	(17.74)	1
21	PA11TDTD39052	Công an huyện Tràng Định (CA xã Tân Tiến)	Áng Mò - Tân Ti	HCSN	51.45	55.22	80.53	-3.77	(6.83)	1
22	PA11TD0019223	Công an huyện Tràng Định (CA xã Tri Phương)	Kéo Quân - Tri P	HCSN	182.31	170.15	196.16	12.16	7.15	FALSE
23	PA11TD0020303	Công an huyện Tràng Định (CA xã Trung Thành)	Khu I - TT Thất K	HCSN	25	19	25	6	31.58	FALSE
24	PA11TD0018425	Công an tỉnh Lạng Sơn	Số 15, đường Ho	HCSN	12	12	12	0	0.00	FALSE
25	PA11TD0011785	Công an Tràng Định	Khu I - Thất Khê	HCSN	1183	1176	1120	7	0.60	FALSE
26	PA11TDTD53129	Đội Quản lý thị trường số 7	Khu 2 - Thất Khê	HCSN	141	140	61	1	0.71	FALSE
27	PA11TDTD53123	Đội Thi hành án Tràng Định	Khu 5 - Thất Khê	HCSN	91	91	105	0	0.00	FALSE

28	PA11TD0008012	Đồn Biên phòng 67- TKS BP Bình Nghi	Pác lạn - Đào Viê	HCSN	224	206	236	18	8.74	FALSE
29	PA11TDTD56067	Đồn Biên Phòng Bình Nghi	Bình Nghi - Đào V	HCSN	854	891	923	-37	(4.15)	1
30	PA11TD0018230	Đồn biên phòng Bình Nghi	Nà Mẩn - Đào Vi	HCSN	43	49	57	-6	(12.24)	1
31	PA11TD0010011	Đồn biên phòng Pò Mã	Thôn Hang Đoổng	HCSN	617.7	546.4	607.13	71.3	13.05	FALSE
32	PA11TD0010043	Đồn biên phòng Pò Mã	Điểm cao 820 xã	HCSN	852	846	897	6	0.71	FALSE
33	PA11TD0012822	Đồn Biên phòng Pò Mã (Trạm kiểm soát BP Nà Nura)	Nà Nura - Quốc K	HCSN	844	851	861	-7	(0.82)	1
34	PA11TD0010345	Đồn BP Pò Mã (Trạm Kiểm soát BP Nà Nura)	Nà nura - Quốc Kh	HCSN	23	18	19	5	27.78	FALSE
35	PA11TDTD53010	Huyện Ủy Tràng Định	Khu I - Thất Khê	HCSN	653	646	827	7	1.08	FALSE
36	PA11TD0001037	Kho bạc nhà nước Tràng Định	Khu I thị trấn Th	HCSN	441	325	239	116	35.69	FALSE
37	PA11TDTD53113	Liên đoàn Lao Động H. Tràng Định	Khu I - Thất Khê	HCSN	296	41	33	255	621.95	FALSE
38	PA11TD0000336	Mái ấm Tình thương Vinh Sơn	Khu II - Thất Khê	HCSN	130	255	240	-125	(49.02)	1
39	PA11TDTD53009	Phòng Giáo dục & Đào tạo Tràng Định	Khu I thị trấn th	HCSN	51	128	102	-77	(60.16)	1
40	PA11TD0018931	Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Tràng Định	Khu I - TT Thất K	HCSN	51	47	12	4	8.51	FALSE
41	PA11TDTD53027	Phòng lao động thương binh xã hội - Dân tộc huyện	Khu 5 thị trấn Th	HCSN	127	93	109	34	36.56	FALSE
42	PA11TDTD53199	Phòng Nông Nghiệp & Phát triển nông thôn huyện T	Khu 5 - Thất Khê	HCSN	32	24	30	8	33.33	FALSE
43	PA11TDTD53014	Phòng Nông Nghiệp & Phát Triển NT	Khu 5 Thị Trấn Th	HCSN	120	113	97	7	6.19	FALSE
44	PA11TDTD53016	Phòng Tài chính Tràng Định	Khu 5 - Thất Khê	HCSN	189	101	178	88	87.13	FALSE
45	PA11TD0013680	Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Tràng Định	Khu 5 thị trấn Th	HCSN	129	74	54	55	74.32	FALSE
46	PA11TDTD53045	Phòng Thống kê	Khu I thị trấn th	HCSN	35	27	12	8	29.63	FALSE
47	PA11TDTD53070	Phòng Tư pháp Tràng Định	Khu 5 - Thất Khê	HCSN	51	29	27	22	75.86	FALSE
48	PA11TDTD53153	Toà án nhân dân huyện Tràng Định	Khu 5 - Thất Khê	HCSN	247	133	182	114	85.71	FALSE
49	PA11TDTD53013	Trạm Khí tượng Thất Khê	Khu 5 - TT Thất K	HCSN	17	15	16	2	13.33	FALSE
50	PA11TDTD53608	Trạm phát lại Truyền thanh và truyền hình Quốc Kh	Long Thịnh - Qu	HCSN	14.74	13.24	14.03	1.5	11.33	FALSE
51	PA11TDTD39168	Trạm phát lại Truyền thanh, truyền hình Áng Mò, T	Áng Mò - Tân Ti	HCSN	20.81	18.26	18.28	2.55	13.96	FALSE
52	PA11TDTD43103	Trạm phát lại Truyền thanh, truyền hình Đông Pinh,	Thôn 2 - Trung T	HCSN	13	20	8	-7	(35.00)	1
53	PA11TD0009214	Trạm Ra đa 59	Nà Pài - Đề Thám	HCSN	1646	1638	1704	8	0.49	FALSE
54	PA11TDTD34135	Trạm Thú Y	Khu 3 Thị Trấn -	HCSN	56.21	52.61	39.88	3.6	6.84	FALSE
55	PA11TD0011893	Trung tâm chính trị	Khuổi Sao - Chi L	HCSN	110	190	109	-80	(42.11)	1
56	PA11TD0009919	Trung tâm dạy nghề H. Tràng Định	Khuổi Sao - Chi L	HCSN	320	325	261	-5	(1.54)	1
57	PA11TD0019044	Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Tràng Định	Khu 2 - Thất Khê	HCSN	88	97	80	-9	(9.28)	1
58	PA11TD0016645	Trung tâm Văn hóa - Thể thao Tràng Định	Khu I - Thất Khê	HCSN	61	64	66	-3	(4.69)	1

59	PA11TDTD53121	Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thông huyện	Khu 2 - Thất Khê	HCSN	104	90	102	14	15.56	FALSE
60	PA11TD0007974	Trung tâm Văn hóa, thể thao và truyền thông huyện	Khu 1 - Thất Khê	HCSN	179	85	88	94	110.59	FALSE
61	PA11TDTD53139	Trung tâm Y Tế Tràng Định	Khu 2 - TT Thất K	HCSN	3824	3995	3507	-171	(4.28)	1
62	PA11TDTD53170	UB Mặt Trận Tổ Quốc Việt Nam	Khu 1 TT Thất Kh	HCSN	186	195	224	-9	(4.62)	1
63	PA11TD0000815	UB xã Đoàn Kết	Nà Phất - Đoàn K	HCSN	119	122	133	-3	(2.46)	1
64	PA11TDTD53119	UBND huyện Tràng Định	Khu I thị trấn thầ	HCSN	623	611	834	12	1.96	FALSE
65	PA11TD0014864	UBND huyện Tràng Định (Tầng 2)	Khu I - Thất Khê	HCSN	143	154	171	-11	(7.14)	1
66	PA11TD0014852	UBND huyện Tràng Định (tầng 3)	Khu I - Thất Khê	HCSN	218	222	254	-4	(1.80)	1
67	PA11TDTD53007	UBND hyện Tràng Định (nhà khách)	Khu I thị trấn thầ	HCSN	55	54	59	1	1.85	FALSE
68	PA11TDTD53089	UBND thị trấn Thất Khê	Khu 2 - Thất Khê	HCSN	178	174	122	4	2.30	FALSE
69	PA11TDTD53116	UBND thị trấn Thất Khê (VS Chợ)	0332706625 Khu	HCSN	51.26	46.74	44.71	4.52	9.67	FALSE
70	PA11TD0004378	UBND Xã Chi Lăng	Đâu Linh - Chi Lă	HCSN	153.39	186.56	125.84	-33.17	(17.78)	1
71	PA11TD0001612	UBND xã Chí Minh	Lũng Tòng - Chí M	HCSN	105	172	160	-67	(38.95)	1
72	PA11TD0013777	UBND xã Đại Đồng	Nà Khuất - Đại Đ	HCSN	122	123	160	-1	(0.81)	1
73	PA11TDTD53063	UBND xã Đại Đồng	Đại Đồng	HCSN	126	124	112	2	1.61	FALSE
74	PA11TD0017726	UBND xã Đề Thám	Pò Mần - Đề Thá	HCSN	166	163	126	3	1.84	FALSE
75	PA11TD0017254	UBND xã Đề Thám (CA xã Đề Thám)	Pò Mần - Đề Thá	HCSN	13	19	7	-6	(31.58)	1
76	PA11TD0017824	UBND xã Hùng Sơn	Bản Piềng - Hùng	HCSN	124	127	140	-3	(2.36)	1
77	PA11TD0002099	UBND xã Hùng Việt	Bản Nhàn - Hùng	HCSN	232	233	135	-1	(0.43)	1
78	PA11TD0015302	UBND xã Khánh Long	Khuổi Bậy - Khán	HCSN	293	293	227	0	0.00	FALSE
79	PA11TD0016382	UBND xã Kim Đồng	Nà Thà - Kim Đờ	HCSN	136.1	163.57	86.94	-27.47	(16.79)	1
80	PA11TD0000071	UBND xã Tân Tiến	Áng Mò - Tân Tiê	HCSN	115.83	145.36	127.63	-29.53	(20.32)	1
81	PA11TD0007637	UBND xã Tri Phương	Kéo Quân - Tri Ph	HCSN	124	0	0	124	#DIV/0!	#####
82	PA11TD0014803	UBND xã Tri Phương (Hội trường)	Kéo Quân - Tri Ph	HCSN	7	6.06	2.17	0.94	15.51	FALSE
83	PA11TD0007063	Ủy Ban nhân dân xã Đại Đồng	Nà Phái - Đại Đờ	HCSN	101	0	0	101	#DIV/0!	#####
84	PA11TD0001099	Ủy ban nhân dân xã Đội Cấn	Bản Chang - Đội	HCSN	150	134	101	16	11.94	FALSE
85	PA11TDTD43082	Ủy ban nhân dân xã Trung Thành	Thôn 2 - Trung T	HCSN	292	277	239	15	5.42	FALSE
86	PA11TD0002407	Ủy Ban Xã Quốc Việt	Khu Chợ - Quốc v	HCSN	169	155	96	14	9.03	FALSE
87	PA11TD0001682	Ủy ban xã Tân Minh	Bản Kiềng - Tân M	HCSN	118	122	144	-4	(3.28)	1
88	PA11TD0017338	Văn phòng UBND huyện Tràng Định	Khu I - Thất Khê	HCSN	147	114	45	33	28.95	FALSE
89	PA11TD0000076	Viện Kiểm sát nhân dân Tràng Định	Khu 5 - Thị trấn -	HCSN	267	283	304	-16	(5.65)	1

90	PA11TD0013181	Phòng Kinh tế - Hạ tầng (ĐĐ)	Khu III - Thất Khê	CQCS	398	393	427	5	1.27	FALSE
91	PA11TD0007203	Phòng Kinh tế - Hạ tầng (ĐĐ)	Khu I - Thất Khê	CQCS	283	296	297	-13	(4.39)	1
92	PA11TDTD53082	Phòng Kinh tế - Hạ tầng (ĐĐ)	Khu 3 - Thất Khê	CQCS	192.83	202.16	179.82	-9.33	(4.62)	1
93	PA11TDTD53037	Phòng Kinh tế - Hạ tầng (ĐĐ)	Khu 3 - Thất Khê	CQCS	121.49	149.94	151.08	-28.45	(18.97)	1
94	PA11TD0013182	Phòng Kinh tế - Hạ tầng (ĐĐ)	Khu III - Thất Khê	CQCS	103	103	103	0	0.00	FALSE
95	PA11TD0000637	Phòng Kinh tế - Hạ tầng (Trạm ĐĐ)	Khu I Thị trấn Th	CQCS	1327	1368	1837	-41	(3.00)	1
96	PA11TD0015855	Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Tràng Định	Khu I (Phai Dài) -	CQCS	197	476	454	-279	(58.61)	1
97	PA11TD0018665	Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Tràng Định	Khu I - Thất Khê	CQCS	32	27	79	5	18.52	FALSE
98	PA11TD0018748	Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Tràng Định	Khu 5 (Sân tennis	CQCS	14	15	19	-1	(6.67)	1
99	PA11TD0019834	Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Tràng Định	Khu I - TT Thất K	CQCS	932	955	997	-23	(2.41)	1
100	PA11TD0019833	Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Tràng Định	Khu I - TT Thất K	CQCS	256	256	299	0	0.00	FALSE
101	PA11TD0019835	Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Tràng Định	Khu I - TT Thất K	CQCS	84	89	98	-5	(5.62)	1
102	PA11TD0019811	Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Tràng Định (ĐĐ thô	Khu I - Thị trấn T	CQCS	17	21	18	-4	(19.05)	1
103	PA11TD0009139	Trạm Y tế Kim Đồng (CA xã Kim Đồng)	Nà Thà - Kim Đôn	BV-TH	75.3	72.36	63.81	2.94	4.06	FALSE
104	PA11TDTD34116	Trạm Y tế thị trấn Thất Khê	Khu 3 - Thất Khê	BV-TH	33.41	39.32	37.28	-5.91	(15.03)	1
105	PA11TD0004380	Trạm Y Tế Xã Chi Lăng	Đầu Linh -Chi Lăng	BV-TH	52.85	44.02	34.41	8.83	20.06	FALSE
106	PA11TD0001613	Trạm Y tế xã Chí Minh	Lũng Toòng - Chí	BV-TH	42	81	72	-39	(48.15)	1
107	PA11TD0000070	Trạm Y tế xã Đại Đồng	Nà khuất - xã Đại	BV-TH	33	31	35	2	6.45	FALSE
108	PA11TD0017774	Trạm y tế xã Đề Thám	Pò Mần - Đề Thá	BV-TH	43	50	53	-7	(14.00)	1
109	PA11TD0001093	Trạm Y Tế xã Đội cấn	Bản Chang - Đội	BV-TH	48	52	52	-4	(7.69)	1
110	PA11TD0005851	trạm y tế xã Hùng Sơn	Bản Chu - Hùng S	BV-TH	42	58	53	-16	(27.59)	1
111	PA11TD0002100	Trạm Y tế xã Hùng Việt	Bản Nhàn - Hùng	BV-TH	62	51	52	11	21.57	FALSE
112	PA11TD0002755	Trạm Y tế xã Kháng Khiển	Đoòng Pán - Khá	BV-TH	51	47	44	4	8.51	FALSE
113	PA11TD0000714	Trạm Y tế xã Khánh Long	Khuổi Bâ - Khán	BV-TH	39	41	35	-2	(4.88)	1
114	PA11TD0009177	Trạm Y Tế xã Quốc Khánh	Long Thịnh - Quố	BV-TH	47.7	48.46	50.48	-0.76	(1.57)	1
115	PA11TD0002414	Trạm Y tế xã Quốc việt	Nà Nạ - Quốc Việ	BV-TH	45	48	59	-3	(6.25)	1
116	PA11TDTD39134	Trạm Y Tế xã Tân Tiến	Áng Mò - Tân Tiế	BV-TH	54.37	53.77	59.32	0.6	1.12	FALSE
117	PA11TD0007715	Trạm Y tế xã Tri Phương	Bản Ne - Tri Phươ	BV-TH	45	56.41	66.79	-11.41	(20.23)	1
118	PA11TD0017617	Trường Mầm non 10-10	Khu I Phai Dài - T	BV-TH	112	87	78	25	28.74	FALSE
119	PA11TD0009237	Trường Mầm non 10-10 Thất Khê	Phai Dài Thất Khê	BV-TH	392	379	216	13	3.43	FALSE
120	PA11TD0019273	Trường mầm non An Khuyển	Pò Chạng - Quốc	BV-TH	221.4	213.65	177.31	7.75	3.63	FALSE

121	PA11TD0019823	Trường Mầm non An Khuyến	Bản Chang - Đội	BV-TH	86	93	69	-7	(7.53)	1
122	PA11TD0016585	Trường Mầm non An Khuyến	Nà Nưa - Quốc K	BV-TH	57	50	38	7	14.00	FALSE
123	PA11TD0012581	Trường Mầm non Chí Minh	Nà Quân - Chí M	BV-TH	36	85	47	-49	(57.65)	1
124	PA11TD0013927	Trường Mầm non Đại Đồng	Pò Bó - Đại Đồng	BV-TH	228	231	245	-3	(1.30)	1
125	PA11TD0016244	Trường Mầm Non Hoa Hồng	Khu 3 - Thất Khê	BV-TH	187.3	188.12	97.35	-0.82	(0.44)	1
126	PA11TD0008303	Trường Mầm Non Hùng Sơn	Nà Cà - Hùng Sơn	BV-TH	101	97	54	4	4.12	FALSE
127	PA11TD0008748	Trường Mầm non Hùng Việt	Bản Nhàn - Hùng	BV-TH	89	82	59	7	8.54	FALSE
128	PA11TD0008707	Trường Mầm non Kim Đồng	Nà Thà - Kim Đồn	BV-TH	73.04	80.15	51.37	-7.11	(8.87)	1
129	PA11TD0018655	Trường Mầm non Kim Đồng	Nà Thà - Kim Đồn	BV-TH	19.18	16.51	10.31	2.67	16.17	FALSE
130	PA11TD0016962	Trường mầm non nông thôn xã Đại Đồng	Pò Bó - Đại Đồng	BV-TH	43.45	45.41	36.92	-1.96	(4.32)	1
131	PA11TD0018737	Trường mầm non nông thôn xã Quốc Khánh	Thống Nhất - Qu	BV-TH	21.48	27.23	10.6	-5.75	(21.12)	1
132	PA11TD0008922	Trường Mầm non Quốc Khánh	Pò Háng - Quốc K	BV-TH	329.61	340.84	245.61	-11.23	(3.29)	1
133	PA11TD0011276	Trường Mầm non Quốc Việt	Nà Nạ - Quốc Việ	BV-TH	190	148	159	42	28.38	FALSE
134	PA11TD0019741	Trường mầm non Tri Phương	Kéo Quân - Tri P	BV-TH	92.31	82.69	57.39	9.62	11.63	FALSE
135	PA11TD0012614	Trường Mầm non Trung Thành	Thôn 1 - Trung T	BV-TH	75	67	44	8	11.94	FALSE
136	PA11TD0018073	Trường mầm non xã Chi Lăng	Đầu Linh - Chi L	BV-TH	43.99	42.83	40.43	1.16	2.71	FALSE
137	PA11TD0019710	Trường Mầm non xã Chi Lăng	Đầu Linh - Chi L	BV-TH	83.06	114.29	50.28	-31.23	(27.33)	1
138	PA11TD0008304	Trường Mầm non xã Hùng Sơn	Bản A - Hùng Sơn	BV-TH	28	37	20	-9	(24.32)	1
139	PA11TD0002752	Trường Mầm non xã Kháng Chiến	Đoảng Pán - Khá	BV-TH	308	297	261	11	3.70	FALSE
140	PA11TD0015265	Trường mầm non xã Tân Tiến	Áng Mò - Tân Ti	BV-TH	97.96	79.31	36.48	18.65	23.52	FALSE
141	PA11TD0004902	Trường Mầm non thôn Pò Mần	Pò Mần - Đề Thá	BV-TH	344	364	200	-20	(5.49)	1
142	PA11TD0005855	Trường Mầm non xã Hùng Sơn	Nà Cà - Hùng Sơn	BV-TH	21	27	11	-6	(22.22)	1
143	PA11TD0002865	Trường phổ thông dân tộc bán trú tiểu học, THCS K	Khuổi Bâ - Khán	BV-TH	41	202	232	-161	(79.70)	1
144	PA11TD0000700	Trường phổ thông dân tộc bán trú tiểu học, THCS K	Khuổi Bâ - Khán	BV-TH	22	53	61	-31	(58.49)	1
145	PA11TD0020458	Trường Phổ thông dân tộc nội trú huyện Trảng Định	Khắc Đăng - Đại	BV-TH	334	134	113.68	200	149.25	FALSE
146	PA11TDTD53079	Trường Phổ thông DTNT THCS & Trung học phổ th	Khỏn Cà - Đại Đ	BV-TH	1975	2359	2342	-384	(16.28)	1
147	PA11TD0016696	Trường Phổ thông DTNT THCS & Trung học phổ th	Khắc Đăng - Đại	BV-TH	297	210	180	87	41.43	FALSE
148	PA11TD0002057	Trường PTCS xã Hùng Việt	Bản Nhàn - Hùng	BV-TH	68	92	46	-24	(26.09)	1
149	PA11TD0001631	Trường PTDT bán trú TH & THCS Chí Minh	Nà Quân - Chí M	BV-TH	23	56	42	-33	(58.93)	1
150	PA11TD0002391	Trường PTDT bán trú TH & THCS Chí Minh	Nà Quân - Chí M	BV-TH	35	46	28	-11	(23.91)	1
151	PA11TD0001632	Trường PTDT bán trú, TH & THCS Chí Minh	Nà Quân - Chí M	BV-TH	23	130	67	-107	(82.31)	1

152	PA11TD0013964	Trường TH và THCS Kháng Chiến	Bản Nắm - Kháng	BV-TH	40	76	33	-36	(47.37)	1
153	PA11TD0002751	Trường TH và THCS Kháng Chiến (Tiểu học)	Bản nắm - Kháng	BV-TH	11	20	12	-9	(45.00)	1
154	PA11TD0019143	Trường TH và THCS Kháng Chiến (Tiểu học)	Bản nắm - Kháng	BV-TH	10	10	5	0	0.00	FALSE
155	PA11TDTD53126	Trường THCS thị trấn Thất Khê	Khu 2 - Thất Khê	BV-TH	486	540	415	-54	(10.00)	1
156	PA11TDTD53160	Trường tiểu học 1 xã Đại Đồng	Pò Bó - Đại Đồng	BV-TH	68.36	154.51	83.49	-86.15	(55.76)	1
157	PA11TD0002330	Trường Tiểu Học Bình Độ	Khu chợ - Quốc v	BV-TH	53	202	230	-149	(73.76)	1
158	PA11TD0010073	Trường tiểu học Đại Đồng 2	Nà Pục - Đại Đồng	BV-TH	81	143	63	-62	(43.36)	1
159	PA11TD0012835	Trường tiểu học Hùng Việt	Bản Nhàn - Hùng	BV-TH	33	78	51	-45	(57.69)	1
160	PA11TD0019548	Trường tiểu học I xã Đại Đồng	Pò Bó - Đại Đồn	BV-TH	42.63	44.96	37.05	-2.33	(5.18)	1
161	PA11TD0003813	Trường Tiểu Học Khảm Khau	Phai Sliếc - Quốc	BV-TH	11	33	35	-22	(66.67)	1
162	PA11TD0008923	Trường Tiểu học Khánh hòa	Pò Háng - Quốc K	BV-TH	216.58	278.5	199.5	-61.92	(22.23)	1
163	PA11TD0011268	Trường tiểu học Quốc Khánh	Phai Sliếc - Quốc	BV-TH	9	27	34	-18	(66.67)	1
164	PA11TD0009394	Trường Tiểu học Quốc Khánh	Pò Mật - Quốc Kh	BV-TH	13.76	38.08	23.93	-24.32	(63.87)	1
165	PA11TDTD53141	Trường Tiểu học Thất Khê	Nà Nghiều - Đại t	BV-TH	621.13	790.23	408	-169.1	(21.40)	1
166	PA11TD0007435	Trường Tiểu Học Tri Phương	Kéo Quân - Tri Ph	BV-TH	145	150	165	-5	(3.33)	1
167	PA11TD0004377	Trường Tiểu học xã Chi lăng	Bản Chang - Chi l	BV-TH	181.25	300.22	209.5	-118.97	(39.63)	1
168	PA11TD0004673	Trường Tiểu học xã Chi lăng	Bản Tạm - Chi Lă	BV-TH	23	101	39	-78	(77.23)	1
169	PA11TD0004903	Trường tiểu học xã Đề Thám	Lĩnh Đeng - Đề T	BV-TH	134	232	136	-98	(42.24)	1
170	PA11TD0000382	Trường Tiểu Học Xã Kim Đồng	Nà Soong - Kim Đ	BV-TH	27.69	52.92	20.44	-25.23	(47.68)	1
171	PA11TD0019160	Trường tiểu học xã Quốc Khánh	Thôn Pò Chạng x	BV-TH	157.09	207.8	110.21	-50.71	(24.40)	1
172	PA11TD0009395	Trường Tiểu học xã Quốc Khánh	Pò Mật - Quốc Kh	BV-TH	10.88	12.64	20.21	-1.76	(13.92)	1
173	PA11TDTD46094	Trường tiểu học xã Tân Tiến	Pò Kiền - Tân Tiế	BV-TH	23	29.02	14.28	-6.02	(20.74)	1
174	PA11TDTD39137	Trường Tiểu học xã Tân Tiến (Văn phòng nhà trường	Áng Mò - Tân Tiế	BV-TH	85.77	93.39	48.01	-7.62	(8.16)	1
175	PA11TD0006333	Trường Tiểu học xã Tri Phương	Nà Pài - Tri Phươ	BV-TH	23.24	78.76	45.66	-55.52	(70.49)	1
176	PA11TDTD43081	Trường Tiểu học, THCS Trung Thành	Thôn Pác Pầu - T	BV-TH	80	123	134	-43	(34.96)	1
177	PA11TD0002121	Trường Tiểu học, THCS Trung Thành	Thôn Pác Pầu - T	BV-TH	106	150	147	-44	(29.33)	1
178	PA11TD0005853	Trường tiểu học, Trung học cơ sở Hùng Sơn	Bản Chu - Hùng S	BV-TH	143	218	152	-75	(34.40)	1
179	PA11TD0005854	Trường Tiểu học, Trung học cơ sở Hùng Sơn	Bản Chu - Hùng S	BV-TH	79	114	52	-35	(30.70)	1
180	PA11TD0018742	Trường Tiểu học, Trung học cơ sở Đội Cấn	Nà Phai - Đội Cấ	BV-TH	49	83	86	-34	(40.96)	1
181	PA11TD0001094	Trường Tiểu học, trung học cơ sở Đội Cấn	Bản Chang - Đội	BV-TH	29	74	82	-45	(60.81)	1
182	PA11TD0005274	Trường Tiểu học, Trung học cơ sở Hùng Sơn (Phân t	Nà Khoang - Hùn	BV-TH	19	60	20	-41	(68.33)	1

183	PA11TD0004904	Trường trung học cơ sở Đề Thám	Pò Mần - Đề Thá	BV-TH	47	112	74	-65	(58.04)	1
184	PA11TD0017291	Trường trung học cơ sở Đề Thám (HC)	Pò Mần - Đề Thá	BV-TH	119	99	110	20	20.20	FALSE
185	PA11TD0009099	Trường trung học cơ sở Quốc Khánh	Long Thịnh - Quố	BV-TH	160.45	193.69	149.13	-33.24	(17.16)	1
186	PA11TD0009080	Trường Trung học cơ sở Quốc Khánh	Long Thịnh - Quố	BV-TH	33	32.97	40	0.03	0.09	FALSE
187	PA11TD0002327	Trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Bìn	Nà Nạ - Quốc Việ	BV-TH	75	105	119	-30	(28.57)	1
188	PA11TD0004393	Trường Trung học cơ sở xã Chi Lăng	Đâu Linh - Chi lă	BV-TH	27.18	97.42	29.98	-70.24	(72.10)	1
189	PA11TDTD38155	Trường trung học cơ sở xã kim Đồng	Nà Thà - Kim Đờ	BV-TH	63.86	81	86.29	-17.14	(21.16)	1
190	PA11TD0008709	Trường trung học CS Đại Đồng 2	Nà Khuất - Đại Đ	BV-TH	90	123	93	-33	(26.83)	1
191	PA11TD0000486	Trường Trung Học phổ Thông TĐ	Khu 1 - Thất Khê	BV-TH	903	1052	720	-149	(14.16)	1